

Số: 104/2022/QĐST-HNGĐ

L, ngày 23 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Chu Thị D, sinh năm 1971.

Bị đơn: Ông Thân Quang B, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND huyện L: Do ông La Văn Nam – Chủ tịch đại diện; đại diện theo ủy quyền của chủ tịch: Ông Mai Văn Dương.

Người liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng N.

Trụ sở chính: Số 02 L, Thành C, Ba Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trường G, Giám đốc Chi nhánh Agribank L, Bắc Giang II.

- Ngân hàng c.

Trụ sở chính: Số 169 phố L, Hoàng L, Hoàng M, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Quốc D, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị D và ông Thân Quang B thuận tình

ly hôn.

2. Về tài sản chung:

Bà Chu Thị D và ông Thân Quang B thỏa thuận:

- Diện tích đất 720m² được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ 01425/QSDĐ/QĐ1032QĐ/UB(H) ngày 29/7/2003. Kết quả đo đạc thực tế hiện nay 897,4 m², tại địa chỉ thôn X, xã M, L, Bắc Giang: Bà Chu Thị D sử dụng diện tích đất 322,4m²(trong đó có 200 m² đất thổ cư, 122,4 đất vườn) có trị giá 926.928.000đồng; Ông Thân Quang B sử dụng diện tích 575,8m²(trong đó có 200 m² đất thổ cư; 375,8 đất vườn) có trị giá 982.676.000đồng (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích đất 8000m², mục đích sử dụng (RTS) được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ 00793/QSDĐ/215 QĐ/UB(H) ngày 18/5/1999. Kết quả đo đạc thực tế hiện nay 9219,7m², tại địa chỉ thôn X, xã M, L, Bắc Giang: Bà Chu Thị D sử dụng diện tích đất 4431,3m² có trị giá 974.886.000đồng; Ông Thân Quang B sử dụng diện tích 4788,4m² có trị giá 1.053.448.000đồng; Tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp 4, 01 mái tôn, sân bê tông trị giá 61.312.000đồng nhưng ông Thân Quang B phải trích chia cho bà Chu Thị D số tiền 30.656.000đồng (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích đất 2453m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ H02105 ngày 01/11/2006. Kết quả đo đạc thực tế hiện nay 3039,4m², tại địa chỉ thôn X, xã M, L, Bắc Giang: Bà Chu Thị D sử dụng diện tích đất 2100m² có trị giá 462.000.000đồng; Ông Thân Quang B sử dụng diện tích 939,4m² có giá trị 206.668.000đồng (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích đất 868m² được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH00646, Quyết định cấp số 666 QĐ-UBND ngày 02/8/2016. Kết quả đo đạc thực tế hiện nay 690,2m², tại địa chỉ thôn X, xã M, L, Bắc Giang: Bà Chu Thị D sử dụng diện tích đất 345,2m² có trị giá 75.944.000đồng; Ông Thân Quang B sử dụng diện tích 345m² có trị giá 75.900.000đồng (có sơ đồ kèm theo).

3. Về công nợ:

Ông Thân Quang B có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh L Bắc Giang II số tiền tính đến ngày 13/5/2022 là 40.864.000đồng (gốc 40 triệu) và Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền tính đến ngày 12/5/2022 là 6.037.000đồng (6 triệu tiền gốc).

Bà Chu Thị D có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh L Bắc Giang II số tiền tính đến ngày 13/5/2022 là 40.864.000đồng (gốc 40 triệu) và Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền tính đến ngày 12/5/2022 là 6.037.000đồng (6 triệu tiền gốc).

Ông B, bà D có trách nhiệm trả tiếp tiền lãi suất trên số nợ gốc tiếp theo cho Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh L Bắc Giang II và Ngân hàng chính sách xã hội huyện L theo hợp đồng đã ký kết.

Tổng trị giá tài sản bà Chu Thị D được hưởng: 2.470.414.000đ (*Hai tỷ bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*) và phải có nghĩa vụ trả công nợ 46.901.000đ (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm linh một nghìn đồng*).

Tổng trị giá tài sản ông Thân Quang B được hưởng: 2.349.348.000đ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và phải có nghĩa vụ trả công nợ 46.901.000đ (Bốn mươi sáu triệu chín trăm linh một nghìn đồng)

Về chi phí tố tụng: Tổng tiền chi phí tố tụng; đo đạc 8.180.000đồng, bà Chu Thị D và ông Thân Quang B mỗi người phải chịu 4.090.000đồng. Do bà D đã tạm ứng số tiền này nên ông Thân Quang B phải trả cho bà Chu Thị D 4.090.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng và đo đạc.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Bà Chu Thị D phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 40.704.000đồng án phí chia tài sản chung; 1.172.500đồng tiền án phí nghĩa vụ trả nợ. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.600.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu số 0010429 ngày 28/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, bà Chu Thị D phải nộp thêm số tiền 24.351.500đ (Hai mươi tư triệu ba trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

Ông Thân Quang B phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 39.493.400đồng án phí chia tài sản chung; 1.172.500đồng tiền án phí nghĩa vụ trả nợ.

Trả lại cho Ngân hàng N, chi nhánh L, Bắc Giang II số tiền 2.026.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010625 ngày 25/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh

